

Bản án số: 314/2019/DS-ST
Ngày: 29/7/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phước Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Quang

Ông Nguyễn Bảo Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Chí Thành- Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2018/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V; trụ sở tại: Đường Đ, quận K, Tp. Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Anh S; ông Lê Văn B1 và ông Nguyễn Xuân T1; địa chỉ: Đường P1, phường M, quận P2, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 16/11/2018).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thắm D; địa chỉ: Đường L, phường B2, quận T2, Tp. Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Đường I, phường F, quận T2, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2018 và lời khai nguyên đơn Ngân hàng TMCP V có ông Trần Anh S đại diện theo ủy quyền trình bày:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 60/2014-HĐTD/NHCT904, ngày 02/10/2014 Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Thắm D đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 60/2014-HĐTD/NHCT904 để vay 1.550.000.000đ; mục đích vay để thanh toán chi phí xây dựng nhà ở tại ấp P3, xã T3, huyện H, tỉnh Tây Ninh; thời hạn vay 120 tháng (đến ngày 03/10/2024) (Gọi tắt là Hợp đồng tín dụng số 60). Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà D và Ngân hàng đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 50/HĐTC-2014 ngày 02/10/2014. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với: Thửa đất số 386, tờ bản đồ 27, có diện tích 500m²; tại địa chỉ tại ấp P3, xã T3, huyện H, tỉnh Tây Ninh; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CH00929 ngày 27/6/2011 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 02/10/2014 tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 60, do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, toàn bộ khoản nợ vay của bà D đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 04/01/2016. Tính đến ngày 02/5/2018, bà D còn nợ Ngân hàng 1.759.555.963đ, trong đó: nợ gốc: 1.382.083.342đ và nợ lãi cộng dồn: 377.472.621đ.

Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, ngày 26/5/2014 bà Nguyễn Thắm D và Ngân hàng đã ký Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng Cremium kèm hợp đồng tín dụng, hạn mức tín dụng 100.000.000đ, lãi suất 16%/năm, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Ngày 31/10/2014, các bên ký kết phụ lục hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tăng hạn mức tín dụng lên 200.000.000đ; thời gian điều chỉnh từ ngày 31/10/2014 đến ngày 30/6/2015. Ngày 10/4/2015, các bên tiếp tục ký kết phụ lục hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tăng hạn mức tín dụng lên 350.000.000đ; thời gian điều chỉnh từ ngày 10/4/2015 đến ngày 30/6/2015. Ngày 26/7/2016 đến kỳ hạn trả nợ định kỳ nhưng bà D không thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ vay thẻ tín dụng của bà D sang nợ quá hạn kể từ ngày 27/7/2016. Tính đến ngày 02/5/2018, dư nợ thẻ tín dụng quốc tế của bà D là 490.078.930đ.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà D thanh toán hết số nợ của Hợp đồng tín dụng số 60 có nợ gốc: 1.759.555.963đ; nợ lãi cộng dồn: 377.472.621đ và khoản vay của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng 490.078.930đ; tổng cộng: 2.249.634.893đ. Ngoài ra, bà D còn phải tiếp tục thanh toán các khoản lãi, phạt, phí khác tiếp tục phát sinh theo quy định trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong số nợ trên. Trường hợp bà D thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V do ông Trần Anh S đại diện theo ủy quyền trình bày: Yêu cầu bị đơn phải thanh toán tất cả khoản nợ cho nguyên đơn, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp lực. Tính đến ngày 28/7/2019, bị đơn còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

- Đối với hợp đồng tín dụng số 60, bà D vay 1.550.000.000đ, đã thanh toán được 167.916.658đ; còn lại nợ gốc: 1.382.083.342đ, nợ lãi cộng dồn: 548.931.645đ, lãi phạt cộng dồn: 56.459.898; tổng cộng: 1.987.374.885đ.

- Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, do đến kỳ hạn trả nợ định kỳ nhưng bà D không thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ vay thẻ tín dụng của bà D sang nợ quá hạn kể từ ngày 27/7/2016, nợ gốc: 344.474.511đ, nợ lãi: 275.329.045đ, tổng cộng: 619.803.556đ.

Tổng cộng: 2.607.178.441đ.

Ngoài ra, bà D còn phải tiếp tục thanh toán các khoản lãi, phạt, phí khác tiếp tục phát sinh theo quy định trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong số nợ trên. Trường hợp bà D thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán đầy đủ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Tân Bình nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt không lý do chính đáng và không có người đại diện tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự đã được xem xét tại phiên tòa đã đủ cơ sở xác định: Ngân hàng TMCP V và bà Nguyễn Thắm D đã ký các hợp đồng sau:

[2.1.1] *Hợp đồng tín dụng 60/2014-HĐTD/NHCT904 ngày 02/10/2014*, hạn mức tín dụng 1.550.000.000đ, thời hạn vay thời hạn vay 120 tháng (đến ngày 03/10/2024). Bà D đã ký 03 giấy nợ với Ngân hàng, cụ thể: Ngày 03/10/2014, nhận 1.000.000.000đ; ngày 08/10/2014, nhận 400.000.000đ và ngày 15/10/2014, nhận 150.000.000đ; tổng cộng: 1.550.000.000đ.

[2.1.2] *Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 50/HĐTC-2014 ngày 02/10/2014*. Hợp đồng thế chấp này đã được đăng ký tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện H, tỉnh Tây Ninh.

[2.1.3] *Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng Cremium kèm hợp đồng tín dụng ngày 26/5/2014, hạn mức tín dụng là 100.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân. Ngày 10/4/2015, các bên tiếp tục ký kết phụ lục hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tăng hạn mức tín dụng lên 350.000.000đ; thời gian điều chỉnh từ ngày 10/4/2015 đến ngày 30/6/2015; lãi suất 16%/năm.*

[2.2] *Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[2.2.1] *Đối với khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 60/2014-HĐTD/NHCT904 ngày 02/10/2014.*

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 60/2014-HĐTD/NHCT904 ngày 02/10/2014; Giấy nhận nợ số 01 ngày 03/10/2014 với số tiền 1.000.000.000đ, Giấy nhận nợ số 02 ngày 08/10/2014 với số tiền 400.000.000đ; Giấy nhận nợ số 03 ngày 15/10/2014 với số tiền 150.000.000đ; các bên thỏa thuận thời hạn vay: 120 tháng; lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất thả nổi; lãi suất tại thời điểm nhận nợ là 7.6%/tháng, lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/lần; đủ cơ sở xác định bà D đã vay của Ngân hàng số tiền 1.550.000.000đ, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng. Bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu bà D phải có nghĩa vụ thanh toán là phù hợp với thỏa thuận tại Mục (iv) điểm b khoản 7.02 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số 60 và quy định Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc: 1.382.083.342đ, nợ lãi: 548.931.645đ, lãi phạt: 56.459.898; tổng cộng: 1.987.374.885đ.

[2.2.1] *Đối với khoản vay tại Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng Cremium kèm hợp đồng tín dụng ngày 26/5/2014 và các phụ lục hợp đồng kèm theo.*

Căn cứ Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng Cremium kèm hợp đồng tín dụng ngày 26/5/2014 các phụ lục hợp đồng ngày 31/10/2014, ngày 10/4/2015 và các sao kê kèm theo, bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 26/7/2016 đến kỳ hạn trả nợ định kỳ nhưng bà D không thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ vay thẻ tín dụng của bà D sang nợ quá hạn kể từ ngày 27/7/2016. Tính đến ngày 28/7/2019, nợ gốc: 344.474.511đ, nợ lãi: 275.329.045đ, tổng cộng: 619.803.556đ. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà D phải có nghĩa vụ thanh toán là phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử buộc bà D phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 619.803.556đ.

[2.2.3] *Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 50/HĐTC-2014 ngày 02/10/2014.*

Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 50/HĐTC-2014 ngày 02/10/2014 là quyền sử dụng đất đối với: Thửa đất tại ấp P3, xã T3, huyện H, tỉnh Tây Ninh; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CH00929 ngày 27/6/2011 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh. Hợp đồng thế chấp được đăng ký

giao dịch bảo đảm ngày 02/10/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H, tỉnh Tây Ninh đúng quy định pháp luật.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/12/2018 đối với tài sản thế chấp do Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh lập xác định thửa đất có tứ cận:

“- Phía Đông giáp thửa 385 dài 50m;

- Phía Tây giáp thửa 276 dài 50m;

- Phía Nam giáp thửa 276 dài 10m;

- Phía Bắc giáp thửa 258 dài 10m.

Tổng diện tích đất là 500m² (Năm trăm mét vuông).

Hiện trạng phần đất diện tích 500m² là đất trống, trên đất không có xây dựng công trình hay nhà ở khác; riêng phía Bắc có hàng rào xây bằng gạch không nung (hàng rào này không phải là hàng rào đơn lẻ trên đất mà hàng rào được xây nối liền trên thửa đất số 386 với các thửa đất khác liền kề). Thửa đất số 386 với các thửa đất liền kề không có ranh đất”.

Do tài sản thế chấp là đất trống, không có công trình xây dựng hay nhà ở nên Hội đồng xét xử không xem xét đưa người thứ ba đang quản lý sử dụng thửa đất này vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại khoản 1.02 Điều 1 của Hợp đồng thế chấp quy định nghĩa vụ được bảo đảm gồm:

(a) Nghĩa vụ được bảo đảm” là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn... mà bên B ký với bên A trước, cùng và/hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng này.

Xét Hợp đồng tín dụng số 60 ký ngày 02/10/2014, Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng Cremium kèm hợp đồng tín dụng ký ngày 26/5/2014 và phụ lục hợp đồng kèm theo ký ngày 10/4/2015, các bên đã thỏa thuận về xử lý tài sản thế chấp phù hợp với quy định tại khoản 1.02 Điều 1 của Hợp đồng thế chấp ngày 02/10/2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán của Hợp đồng tín dụng số 60 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Xét việc bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số nợ trên làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt không lý do, cũng không đưa ra phản hồi hay chứng cứ nào để chứng minh cho quan điểm của mình. Vì vậy, bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý đối với sự vắng mặt của mình.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do có nghĩa vụ thanh toán nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) theo phiếu thu ngày 21/12/2018 do nguyên đơn tự nguyện chịu, phù hợp với quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; Điều 157; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 290; 471 của Bộ luật dân sự 2005 đã được sửa đổi bổ sung năm 2011;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn bà Nguyễn Thẩm D.

2. Buộc bà Nguyễn Thẩm Duyên phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền:

2.1 Đối với Hợp đồng tín dụng số 60/2014-HĐTD/NHCT904 ngày 02/10/2014 là 1.987.374.885đ (*Một tỷ chín trăm tám mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm tám mươi lăm đồng*), bao gồm: nợ gốc: 1.382.083.342đ (*Một tỷ ba trăm tám mươi hai triệu không trăm tám mươi ba ngàn ba trăm bốn mươi hai đồng*), nợ lãi: 548.931.645đ (*Năm trăm bốn mươi tám triệu chín trăm ba mươi một ngàn sáu trăm bốn mươi lăm đồng*), lãi phạt: 56.459.898đ (*Năm mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi chín ngàn tám trăm chín mươi tám đồng*).

2.2 Đối với Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng Cremium kèm hợp đồng tín dụng ký ngày 26/5/2014 các phụ lục hợp đồng đã ký ngày 31/10/2014, ngày 10/4/2015 kèm theo là 619.803.556đ (*Sáu trăm mười chín triệu tám trăm linh ba*

ngàn năm trăm năm mươi sáu đồng), bao gồm: nợ gốc: 344.474.511đ (Ba trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi bốn ngàn năm trăm mười một đồng), nợ lãi: 275.329.045đ (Hai trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn không trăm bốn mươi lăm đồng).

Tổng cộng: 2.607.178.441đ (Hai tỷ sáu trăm linh bảy triệu một trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm bốn mươi một đồng).

Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Bà Nguyễn Thắm D còn phải chịu tiền lãi, phí phát sinh kể từ 29/7/2019 theo lãi suất thỏa thuận được quy định trong Hợp đồng tín dụng số 60/2014-HĐTD/NHCT904 ngày 02/10/2014 và các giấy nhận nợ kèm theo (Giấy nhận nợ số 01 ngày 03/10/2014, Giấy nhận nợ số 02 ngày 08/10/2014 và Giấy nhận nợ số 03 ngày 15/10/2014); Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng Cremium kèm hợp đồng tín dụng ngày 26/5/2014 và các phụ lục hợp đồng đã ký ngày 31/10/2014, ngày 10/4/2015 kèm theo cho đến khi thi hành xong số nợ gốc trên.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thắm D phải chịu 84.143.569đ (Tám mươi bốn triệu một trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm sáu mươi chín đồng).

5. Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 38.496.349đ (Ba mươi tám triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn ba trăm bốn mươi bảy đồng) theo biên lai thu số 0008348 ngày 21/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

6. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND QTB;
- Chi cục THADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Võ Phước Lý